

**I. PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. ( 5 điểm)**

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Khu vực Mỹ La tinh có phía đông giáp với

- A. Thái Bình Dương. B. Ấn Độ Dương.  
C. Đại Tây Dương. D. Nam Đại Dương.

**Câu 2:** Thiên nhiên An-đét đa dạng chủ yếu do

- A. dãy núi kéo dài nhiều vĩ độ, có sự phân chia hai sườn rõ rệt.  
B. dãy núi kéo dài, có độ cao lớn và phân chia ở hai sườn rõ rệt.  
C. dãy núi trẻ cao, đồ sộ, có địa hình thung lũng và cao nguyên.  
D. dãy núi trẻ, kéo dài theo bắc - nam, phân chia hai sườn rõ rệt.

**Câu 3:** Thiên nhiên dãy An-đét có nhiều thuận lợi để phát triển

- A. khai khoáng, nuôi hải sản, thủy điện, du lịch.  
B. khai khoáng, thủy điện, trồng trọt và du lịch.  
C. khai khoáng, đánh bắt cá, chăn nuôi, du lịch.  
D. khai khoáng, thủy điện, chăn nuôi và du lịch.

**Câu 4:** Mỹ Latinh có nền văn hóa độc đáo chủ yếu do

- A. có người bản địa và da đen. B. có nhiều thành phần dân tộc.  
C. nhiều quốc gia nhập cư đến. D. nhiều lứa tuổi cùng hòa hợp.

**Câu 5:** Nguyên nhân chủ yếu làm kinh tế nhiều nước ở Mỹ Latinh hiện nay giảm sút là

- A. thể chế còn yếu kém, vẫn nạn tham nhũng tràn lan.  
B. tập trung cho khai khoáng và xuất khẩu tài nguyên.  
C. đại dịch COVID-19 và người nông dân không có đất.  
D. đô thị hóa tự phát, lạm phát và tham nhũng nhiều.

**Câu 6:** Mục đích của EU là

- A. ngăn chặn nguy cơ xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo.  
B. cùng nhau hạn chế các dòng nhập cư trái phép xảy ra.  
C. cùng nhau thúc đẩy phát triển sự thống nhất châu Âu.  
D. bảo vệ an ninh, phòng chống nguy cơ biến đổi khí hậu.

**Câu 7:** Lĩnh vực nào sau đây không đặt ra làm mục đích của EU?

- A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Luật pháp. D. Nội vụ.

**Câu 8:** Cơ quan có quyền quyết định cao nhất ở EU là

- A. Hội đồng bộ trưởng châu Âu. B. Ủy ban châu Âu.  
C. Nghị viện châu Âu. D. Hội đồng châu Âu.

**Câu 9:** Tự do lưu thông hàng hóa là

- A. tự do đi lại, cư trú, lựa chọn nơi làm việc.  
B. tự do đối với các dịch vụ vận tải, du lịch.  
C. Bãi bỏ các hạn chế đối với giao dịch thanh toán.  
D. Hàng hóa các nước không thuế giá trị gia tăng.

**Câu 10:** Ý nghĩa của thị trường chung EU **không** phải là

- A. kích thích cạnh tranh và thương mại. B. nâng cao chất lượng và hạ giá thành.  
C. góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. D. tạo mức sống của người dân đồng đều.

**Câu 11:** Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. giáp với Đại Tây Dương.
- C. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a.

- B. phía đông nam Châu Á.
- D. phía bắc nước Nhật Bản.

**Câu 12:** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có

- A. nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.
- B. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa.
- C. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam.
- D. khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

**Câu 13:** Đông Nam Á có

- A. số dân đông, mật độ dân số cao.
- C. nhập cư ít, lao động chủ yếu già.

- B. mật độ dân số cao, nhập cư đông.
- D. xuất cư nhiều, tuổi thọ rất thấp.

**Câu 14:** Ở nhiều nước Đông Nam Á, việc làm là một vấn đề còn gay gắt, nguyên nhân chủ yếu do

- A. kinh tế chậm phát triển, gia tăng tự nhiên còn cao.
- B. gia tăng dân số cao, giáo dục đào tạo còn hạn chế.
- C. quy mô dân số lớn, kinh tế còn phát triển chưa cao.
- D. giáo dục đào tạo còn hạn chế, người lao động nhiều.

**Câu 15:** Nhiều nước ở Đông Nam Á hiện nay phát triển mạnh đánh bắt xa bờ, chủ yếu nhằm

- A. tăng sản lượng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ.
- B. tăng sản lượng và bảo vệ tài nguyên ở thềm lục địa.
- C. tăng sản lượng cá, tôm và mở rộng thêm vùng biển.
- D. tăng sản lượng cá và bảo vệ sinh vật biển ở các đảo.

## II. PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng/ sai. (2 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1. Cho thông tin sau:**

“Hiện nay, số dân ở Đông Nam Á vẫn tiếp tục tăng nhanh. Đến năm 2020, dân số Đông Nam Á đạt 668,4 triệu người, tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số có xu hướng giảm nhưng vẫn còn ở mức cao là 1,1 %. Có nhiều nhân tố tác động đến sự gia tăng dân số ở Đông Nam Á, trong đó có sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội giữa các quốc gia”.

- A. Đông Nam Á là khu vực có số dân đông trên thế giới.
- B. Trình độ phát triển kinh tế – xã hội ở các quốc gia Đông Nam Á khá đồng đều .
- C. Đông Nam Á có tỉ lệ gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm và qui mô dân số lớn nên tốc độ tăng dân số giảm.
- D. Đông Nam Á có qui mô dân số lớn gây sức ép nhiều mặt về kinh tế - xã hội và tài nguyên - môi trường trong khu vực.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu: Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 2005 – 2019.

Năm	2005	2010	2015	2019
Số lượt khách (triệu lượt người)	49,3	70,4	104,2	138,5
Doanh thu (tỉ USD)	33,8	68,5	108,5	147,6

(Nguồn: UNWTO, 2007, 2016, 2020)

- A. Số lượng khách du lịch quốc tế đến khu vực Đông Nam Á ngày càng tăng.
- B. Doanh thu du lịch khu vực Đông Nam Á tăng nhưng không liên tục.
- C. Doanh thu du lịch năm 2015 - 2019 tăng 38,5 tỉ USD.
- D. Biểu đồ cột ghép là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2015-2019.

### III. PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.(1 Điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Cho bảng số liệu 1: TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ KHU VỰC MỸ LATINH QUA CÁC NĂM

Năm	1950	1960	1970	1980	1990	2000	2010	2020
Tỉ lệ (%)	40,0	49,5	57,3	64,5	70,5	75,3	78,4	81,1

(Nguồn: WB, 2022)

**Câu 1.** Theo bảng số 1, Cho biết giai đoạn 1950 - 2020, tỉ lệ dân thành thị khu vực Mỹ La Tinh tăng bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

**Câu 2.** Theo bảng số liệu 1, Cho biết giai đoạn 1950 – 2020, trung bình 10 năm tỉ lệ dân thành thị khu vực Mỹ La Tinh tăng bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Cho bảng số liệu 2: CƠ CẤU KINH TẾ BRA-XIN NĂM 2000 VÀ NĂM 2019

(Đơn vị: %)

Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Thuế sản phẩm
2000	4,8	23,0	58,3	13,9
2019	5,9	17,7	62,9	13,5

(Nguồn: WB, 2022)

**Câu 3.** Theo bảng số liệu 2, Cho biết giai đoạn 2000 - 2019, tỉ lệ Nông nghiệp của Bra-xin tăng bao nhiêu %?(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

**Câu 4:** Cho bảng số liệu 3: MỘT SỐ NÔNG SẢN CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.

Nông sản	Năm	2000	2010	2020	
		- Cao su (triệu tấn)	+ ĐÔNG NAM Á	6,3	9,0
		+ Thế giới	8,1	11,8	149,0

(Nguồn: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc, 2022)

Theo bảng số liệu 3, Cho biết năm 2000, sản lượng cao su của Đông Nam Á chiếm tỉ lệ bao nhiêu % trong Thế giới? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

### IV. PHẦN IV: Tự luận. ( 2 Điểm)

Cho bảng số liệu, CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á NĂM 2010 VÀ 2020.

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2020
Nông - lâm – ngư nghiệp	18,6	12,8
CN – XD	33,9	34,2
Dịch vụ	46,2	47,7
Thuế SP trừ trợ cấp SP	1,3	5,3

1. Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.

2. Nhận xét sự thay đổi cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.

HẾT